TOÀ ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN MỎ CÀY NAM	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH BẾN TRE	

Bản án số: 04/2025/HN-ST

Ngày: 06-01-2025

"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thuý Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hết

2. Ông Phan Văn Sơn

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thiên Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lanh – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 417/2024/TLST - HNGĐ, ngày 07/10/2024, về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 580/2024/QĐXX-ST ngày 02 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn E, sinh năm 1978; Địa chỉ cư trú: ấp A, xã A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị B, sinh năm 1974; Địa chỉ cư trú: ấp A, xã A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Anh Nguyễn Văn E, chị Trần Thị B vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn xin ly hôn đề ngày 15/7/2024, trong quá trình tố tụng, anh Nguyễn Văn E trình bày*:

1. Về hôn nhân: Anh xin ly hôn với chị Trần Thị B. Lý do: Anh và chị B do tìm hiểu tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã An Thới cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 16/8/2006. Quá trình chung sống tại địa phương, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng không có tiếng nói chung, đã không còn sống chung từ ngày 10/7/2022 cho đến nay, không còn tình cảm nên quyết định ly hôn.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trường V, sinh ngày 25/01/2000, đã trưởng thành, không yêu cầu.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Không còn yêu cầu nào khác.

- *Bị đơn chị Trần Thị B vắng mặt tại phiên toà không có lời trình bày.*

- *Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu cho rằng:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng. Bị đơn vắng mặt không có đơn xin vắng.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị xem xét: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn E; Con chung: Nguyễn Trường V, sinh ngày 25/01/2000, đã trưởng thành. Tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Văn E trình bày không có, chị Trần Thị B vắng mặt không lời trình bày, không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Văn E, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung"*; Trong đó xác định anh Nguyễn Văn E là nguyên đơn, chị Trần Thị B là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét việc vắng mặt của anh Nguyễn Văn E vắng mặt có đơn xin vắng, chị Trần Thị B vắng mặt lần thứ 2 không có đơn xin vắng, Hội đồng xét xử xét xử

vắng mặt là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

1. Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn E, thấy rằng:

Anh Nguyễn Văn E yêu cầu xin ly hôn với chị Trần Thị B. Chị Trần Thị B vắng mặt không lời trình bày.

Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh Nguyễn Văn E và chị Trần Thị B là có thật. Nguyên nhân theo anh Nguyễn Văn E bắt nguồn từ việc bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thiếu sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không tìm được tiếng nói chung nhưng không tìm được hướng giải quyết mâu thuẫn, đã có thời gian dài không sống chung. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án cũng đã tạo điều kiện triệu tập để cho vợ chồng hòa giải tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng chị Trần Thị B vắng mặt nên không thể hoà giải được. Nay anh Nguyễn Văn E vẫn giữ quan điểm xin ly hôn. Xét khả năng hàn gắn đoàn tụ là không thể, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn E theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ.

2. Về con chung: Nguyễn Trường V, sinh ngày 25/01/2000, đã trưởng thành, không giải quyết.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Anh Nguyễn Văn E trình bày không có, chị Trần Thị B vắng mặt, không có lời trình bày, không ai yêu cầu, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Anh Nguyễn Văn E trình bày không có, chị Trần Thị B vắng mặt, không có lời trình bày, không ai yêu cầu, không giải quyết.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn, anh Nguyễn Văn E chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn E.

Cụ thể tuyên:

1. Anh Nguyễn Văn E được ly hôn với chị Trần Thị B.

2. Về con chung: Nguyễn Trường V, sinh ngày 25/01/2000, đã trưởng thành, không giải quyết.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Anh Nguyễn Văn E trình bày không có, chị Trần Thị B vắng mặt, không có lời trình bày, không ai yêu cầu, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Anh Nguyễn Văn E trình bày không có, chị Trần Thị B vắng mặt, không có lời trình bày, không ai yêu cầu, không giải quyết.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác, không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch (Đối với yêu cầu ly hôn): 300.000 đồng (Ba trăm nghìn), anh Nguyễn Văn E phải chịu. Được khấu trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003765 ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu (Hs, Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Đỗ Thúy Hằng